

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/5/2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến
2. Ông Nguyễn Văn Mua

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXX - ST ngày 17 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị K, sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: ấp PS, xã LP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi ở hiện nay: ấp PA, xã TB, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PS, xã LP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/01/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Trần Thị K trình bày: Chị K và anh D cưới nhau vào năm 2007, hôn nhân do quen biết, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LP. Thời gian vợ

chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 10/2017 đến nay.

Nguyên nhân mất hạnh phúc do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh D không quan tâm đến vợ con. Nay chị K không còn tình cảm với anh D nữa nên xin được ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung chị K và anh D có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 21/01/2008 và Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 25/4/2016; hiện cháu M, cháu Như Y đang sống chung với chị K.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị K yêu cầu ly hôn với anh D; yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu M và cháu Như Y, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

- Phía bị đơn là anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có yêu cầu phản tố hay ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của chị K gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Chị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị K được ly hôn với anh D; yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu M và cháu Như Y, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Các đương sự không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng, không cung cấp thêm chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị K và anh D sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số 43, ngày 26/6/2007, cho thấy hôn nhân giữa chị K và anh D là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị K và anh D sống chung được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, anh D không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 10 năm

2017 đến nay; trong khoảng thời gian ly thân chị K và anh D không quan tâm, liên lạc với nhau. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị K kiên quyết được ly hôn với anh D. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị K và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K đối với anh D là có cơ sở theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian sống chị K và anh D có 02 người con chung là Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 21/01/2008 và Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 25/4/2016; hiện cháu M, cháu Như Y đang sống chung với chị K.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu M, cháu Như Y. Xét thấy, cháu Nguyễn Thị Hồng M hiện nay đã trên 07 tuổi, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ, còn cháu Như Y chưa tròn 36 tháng tuổi. Mặt khác, từ khi chị K và anh D ly thân đến nay cháu M, cháu Như Y đều do chị K trực tiếp quản lý nuôi dưỡng, phía anh D cũng không quan tâm chăm lo cho các cháu. Do đó, vì quyền lợi mọi mặt của trẻ và nhằm tránh làm xáo trộn sự phát triển về tâm sinh lý của trẻ cũng như xem xét nguyện vọng của cháu M, nên cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Hồng M, cháu Nguyễn Ngọc Như Y cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con:

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị K rút lại yêu cầu buộc anh D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của chị K, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận. Do đó, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của chị K là có căn cứ.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010637 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, chị K không phải nộp thêm.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị K có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn là anh D vắng mặt tại phiên tòa, hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản

án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2/- Về con chung: Tiếp tục giao 02 cháu Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 21/01/2008 và Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 25/4/2016 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị K về việc yêu cầu anh D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4/- Về tài sản chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010637 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, chị K không phải nộp thêm.

6/- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7/- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị K có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn là anh D vắng mặt tại phiên tòa, hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- THADS huyện Tam Bình;
- UBND xã LP
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Thanh Thảo